



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

Số: **1849**/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Gia Lai, ngày **18** tháng **9** năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Trang trại chăn nuôi heo thịt (quy mô 20.000 con heo thịt/đợt, mỗi năm 02 đợt tương ứng 40.000 con heo thịt/năm) tại xã Ia Lâu, tỉnh Gia Lai của Công ty TNHH Gia Lai Phát

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025; Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 07/2025/TTBTNTMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Trang trại chăn nuôi heo thịt tại xã Ia Lâu, tỉnh Gia Lai của Công ty TNHH Gia Lai Phát tại Văn bản số 09/2025/GLP ngày 03/9/2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 329/TTr-STNMT ngày 08/9/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Trang trại chăn nuôi heo thịt (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Gia Lai Phát (quy mô 20.000 con heo thịt/đợt, mỗi năm 02 đợt tương

ứng 40.000 con heo thịt/năm) (sau đây gọi là Chủ dự án), thực hiện tại xã Ia Lâu, tỉnh Gia Lai với các nội dung, yêu cầu bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. / *ah*

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ dự án;
- UBND xã Ia Lâu;
- CVP, PVP NN;
- Lưu: VT, N4, N1. *Car*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



ah
★ **Nguyễn Tuấn Thanh**



Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
TRANG TRẠI CHĂN NUÔI HEO THỊT (QUY MÔ 20.000 CON HEO
THỊT/ĐỢT, MỖI NĂM 02 ĐỢT TƯƠNG ỨNG 40.000 CON HEO
THỊT/NĂM) TẠI XÃ IA LÂU, TỈNH GIA LAI CỦA
CÔNG TY TNHH GIA LAI PHÁT

(Kèm theo Quyết định số: 1849/QĐ-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2025
của UBND tỉnh Gia Lai)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Trang trại chăn nuôi heo thịt (quy mô 20.000 con heo thịt/đợt, mỗi năm 02 đợt tương ứng 40.000 con heo thịt/năm).
- Địa điểm thực hiện dự án: xã Ia Lâu, tỉnh Gia Lai.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Gia Lai Phát.
- Địa chỉ liên hệ: 19/91, khu phố 13, phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai.
- Số điện thoại liên hệ: 0918.741.069.

Dự án đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 532/QĐ-UBND, cấp lần đầu ngày 07/09/2023 và chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 387/QĐ-UBND, điều chỉnh lần thứ nhất ngày 24/6/2025.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

1.2.1. Phạm vi Dự án:

- Diện tích đất thực hiện dự án khoảng 170.131,6m².
- Phạm vi đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định tại Quyết định này không bao gồm hạng mục khai thác vật liệu san lấp phục vụ Dự án.

1.2.2. Quy mô, công suất của Dự án:

- Quy mô chăn nuôi heo: 20.000 con heo thịt/đợt, mỗi năm nuôi 2 đợt.
- Quy mô sản phẩm: 40.000 con heo thịt/năm.

1.2.3. Nguồn và nhu cầu sử dụng nước:

- Sử dụng nguồn nước khai thác nước dưới đất với tổng lưu lượng 148,88 m³/ngày để phục vụ cho các hoạt động như sau: sinh hoạt cán bộ, công nhân 3,2 m³/ngày; chăn nuôi 133,23 m³/ngày (gồm: nước uống cho heo 108,35 m³/ngày, nước khử trùng người 0,08 m³/ngày, nước khử trùng xe 4,8 m³/ngày, nước phun

sương khử mùi sau quạt hút 20 m³/ngày) và nước tưới gốc cây trồng 12,45 m³/ngày (vào mùa khô).

- Nguồn nước thải sau xử lý tái sử dụng với tổng lưu lượng 183,04 m³/ngày phục vụ cho các hoạt động: chăn nuôi 150,78 m³/ngày (gồm: nước ngâm, xịt rửa các dụng cụ chăn nuôi 3 m³/ngày, nước sử dụng cho làm mát chuồng trại 30 m³/ngày, nước dùng cho ngâm phân 93,6 m³/ngày, nước dùng cho bể xả găm 4 m³/ngày, nước dùng cho xịt phân heo trên tấm đan 12 m³/ngày, nước dùng cho vệ sinh chuồng trại sau khi xuất bán heo 4,4 m³/ngày, nước dùng cho bể ngâm rửa đan 3,78 m³/ngày) và tưới gốc cây trồng 32,26 m³/ngày.

Ngoài ra, sử dụng nước tại hồ chứa nước thải sau xử lý vào mùa mưa để tưới gốc cho cây trồng khoảng 109,16 m³/ngày.

- Phương án tưới gốc cây trồng như sau:

Đất trồng dự trữ, đất trồng cây xanh có diện tích khoảng: 103.212,84 m², chiếm tỷ lệ 60,67% tổng diện tích Dự án, gồm: đất trồng dự trữ: 35.160,20 m²; đất trồng cây xanh, thảm cỏ: 10.000 m²; đất trồng cây chuối: 20.000 m² (mật độ 2.777 cây/ha) và đất trồng cây bạch đàn đỏ: 38.552,64 m² (mật độ 2.000 cây/ha). Chủ dự án thực hiện tưới nước cho cây chuối, cây bạch đàn đỏ và thảm cỏ như sau: Nước sau xử lý được bơm cưỡng bức đến bể chứa nước thải sau xử lý để tái sử dụng có dung tích hữu ích 39.326,83 m³, lắp đặt hệ thống tưới nhỏ giọt vào vùng rễ từng gốc cây chuối, cây bạch đàn đỏ với tần suất tưới hàng ngày (đối với cây bạch đàn đỏ) và 2 ngày/lần (đối với cây chuối). Bơm được hoạt động theo 02 chế độ:

+ Tự động: khi mực nước và áp lực đạt yêu cầu, hệ thống điều khiển sẽ đóng/mở bơm.

+ Thủ công: bật tắt bằng cầu dao hoặc công tắc điện (khi hệ thống gặp sự cố).

1.3. Công nghệ sản xuất

Xây dựng trang trại theo mô hình nuôi heo trong chuồng lạnh theo chuỗi khép kín với quy trình chăn nuôi như sau: Heo con khoảng ≥ 4 kg/con $\rightarrow$ Nuôi dưỡng $\rightarrow$ Heo thịt được nuôi từ 4,5 đến 5,5 tháng tuổi và có trọng lượng trung bình khoảng 105 kg $\rightarrow$ Kiểm tra chất lượng, khối lượng $\rightarrow$ Xuất chuồng 40.000 con heo thịt/năm.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.4.1. Các hạng mục công trình

- Hạng mục công trình chính: 20 chuồng heo thịt với tổng diện tích 26.151,6 m².

- Các công trình phụ trợ: Khu sát trùng, trạm cân, khu chờ tiếp khách, chốt bảo vệ, khu để xe, khu cách ly nhân viên mới, khu kỹ thuật, khu rửa chén, giặt đồ, khu bếp ăn, khu công nhân số 1, khu công nhân số 2, khu phơi đồ, khu điều hành, hồ sát trùng, khu đặt máy phát điện, kho cám, kho hóa chất, kho vôi, kho dụng cụ, kho cơ khí, khu vận hành silo tự động, khu nhập heo, khu xuất heo, khu đặt máy móc thiết bị, khu sát trùng công phụ, khu tắm lại, hệ thống cấp điện; hệ thống cấp nước (gồm 3 giếng khoan nước dưới đất với công suất dự kiến khai thác khoảng $60\text{m}^3/\text{giếng/ngày}$ và nước mặt từ hồ chứa nước mưa); hệ thống thông tin liên lạc...

- Công trình bảo vệ môi trường

- + Kho chứa chất thải rắn thông thường diện tích khoảng $21,84\text{ m}^2$.
- + Kho chứa chất thải nguy hại diện tích khoảng $51,84\text{ m}^2$.
- + Khu đặt máy ép phân với diện tích khoảng $72,42\text{ m}^2$.
- + Khu trung chuyển phân với diện tích khoảng $71,4\text{ m}^2$.
- + Kho để phân với diện tích khoảng $142,8\text{ m}^2$.
- + Khu đặt máy thu hồi khí biogas với diện tích khoảng $52,02\text{ m}^2$.
- + Hầm hủy xác với diện tích khoảng $75,64\text{ m}^2$.
- + Bể thu gom với diện tích khoảng $42,64\text{ m}^2$.
- + 02 hầm biogas có tổng dung tích chứa khoảng $14.798,66\text{ m}^3$ (hầm biogas 1 có dung tích khoảng $7.399,33\text{ m}^3$, hầm biogas 2 có dung tích khoảng $7.399,33\text{ m}^3$).
- + 02 hồ lắng sau 02 hầm biogas có diện tích khoảng $2.700\text{ m}^2/\text{hồ}$, dung tích khoảng $11.895,58\text{ m}^3/\text{hồ}$.
- + 01 hồ điều hòa sau 02 hồ lắng có diện tích khoảng 2.700 m^2 , dung tích khoảng $11.895,58\text{ m}^3$.
- + Khu vận hành bể xử lý nước thải có diện tích khoảng $75,64\text{ m}^2$.
- + Hệ thống xử lý nước thải công suất $250\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.
- + 02 hồ sinh học có diện tích khoảng $1.800\text{ m}^2/\text{hồ}$, dung tích hữu ích khoảng $7.399,33\text{ m}^3/\text{hồ}$.
- + 01 hồ phòng ngừa sự cố có diện tích khoảng 2.000 m^2 , dung tích hữu ích khoảng $8.499,33\text{ m}^3$.
- + 01 hồ chứa nước thải sau xử lý (hồ chứa nước tái sử dụng) có diện tích khoảng 8.100 m^2 , dung tích khoảng $39.326,83\text{ m}^3$.
- + Hồ chứa nước mưa có diện tích khoảng 1.575 m^2 .

+ Khu đất dự phòng xử lý heo chết do dịch bệnh có diện tích khoảng 500 m².

1.4.2. Các hoạt động của dự án đầu tư:

Các hoạt động của Dự án bao gồm xây dựng, lắp đặt các hạng mục, công trình và hoạt động chăn nuôi, xử lý môi trường của Dự án.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi bổ sung tại khoản 6, Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.5. Các hạng mục, hoạt động không thuộc phạm vi báo cáo đánh giá tác động môi trường: Các hạng mục đền bù, giải phóng mặt bằng; khai thác và vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Hoạt động dọn dẹp, giải phóng mặt bằng, đào đắp, san nền và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, tập kết nguyên vật liệu thi công, xây dựng.

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động chăn nuôi heo và hoạt động xử lý phân, nước thải và mùi phát sinh.

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân; hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ chăn nuôi, vận chuyển heo.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô và tính chất nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân tham gia thi công khoảng 2,4m³/ngày.đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: pH, BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Coliforms.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động rửa bánh xe của phương tiện ra, vào công trường, vệ sinh dụng cụ thi công phát sinh khoảng 3,6 m³/ngày đêm.

Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: SS, dầu mỡ khoáng.

b) Giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên phát sinh nước thải sinh hoạt khoảng 3,2 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: pH, BOD₅, TSS, Amoni, Coliform.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi khoảng 179,84 m³/ngày đêm (gồm: nước tiểu heo 54,18m³/ngày đêm, nước khử trùng người 0,08 m³/ngày, nước khử trùng xe 4,8 m³/ngày, nước phun sương khử mùi sau quạt hút 20 m³/ngày; nước ngâm, xịt rửa các dụng cụ chăn nuôi 3 m³/ngày; nước sử dụng cho làm mát chuồng trại 30 m³/ngày, nước dùng cho ngâm phân 93,6 m³/ngày, nước dùng cho bể xả gấm 4 m³/ngày, nước dùng cho xịt phân heo trên tấm đan 12 m³/ngày, nước dùng cho vệ sinh chuồng trại sau khi xuất bán heo 4,4 m³/ngày, nước dùng cho bể ngâm rửa đan 3,78 m³/ngày). Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: TSS, BOD₅, COD, tổng Nitơ, tổng Photpho và Coliform.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Hoạt động giải phóng mặt bằng, san nền, thi công, xây dựng phát sinh bụi và khí thải. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: TSP, CO, NO₂, SO₂, VOC.

b) Giai đoạn vận hành

- Hoạt động chăn nuôi heo phát sinh chủ yếu là khí gây mùi. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: H₂S, NH₃.

- Hoạt động xử lý phân heo (thu gom, ép) phát sinh mùi hôi. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: H₂S, NH₃.

- Hoạt động của hệ thống xử lý nước thải công suất 250 m³/ngày đêm phát sinh mùi hôi. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: H₂S, NH₃.

- Hoạt động xử lý, tiêu huỷ heo chết phát sinh khí gây mùi hôi. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: H₂S, NH₃.

- Hoạt động của hầm biogas phát sinh khí gây mùi hôi. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: H₂S, NH₃, CH₄.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện vận tải ra vào Dự án (vận chuyển heo con nhập đàn, thức ăn, thuốc thú y, heo thương phẩm xuất bán,...). Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: Bụi, SO₂, NO_x, CO.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- CTR sinh hoạt phát sinh khoảng 24 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là rau, củ, quả, thực phẩm thừa, giấy, túi nilon, vỏ hộp, vỏ chai nhựa.

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân tham gia thi công khoảng 32 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: thức ăn dư thừa, vỏ bao đựng thức ăn.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Sinh khối thực vật phát sinh khoảng 105,482 tấn. Thành phần chủ yếu là thân, cành lá, gốc rễ, cỏ bụi.

- CTR xây dựng phát sinh khoảng 132,55 tấn/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: đất, cát rơi vãi, bao bì xi măng, đầu mẫu sắt thép thừa, gạch vỡ, xi măng hư hỏng.

- Tổng khối lượng đất đào (đất đào hồ bể của hệ thống xử lý nước thải, đào hồ nước mưa, hồ lắng, hồ sinh học, hồ điều hòa, hầm biogas và đào móng các công trình) phát sinh khoảng 88.897,5 m³. Tận dụng đắp tại chỗ, không vận chuyển ra bên ngoài dự án.

b) Giai đoạn vận hành:

- Hoạt động chăn nuôi phát sinh phân heo sau ép với khối lượng khoảng 13.192 kg/ngày; heo chết không do dịch bệnh với khối lượng khoảng 12 kg/ngày.

- Hoạt động của hầm biogas phát sinh bùn thải với khối lượng khoảng 23,53 kg/ngày; hoạt động của hệ thống xử lý nước thải phát sinh bùn thải với khối lượng 87,22 kg/ngày.

- Tắm làm mát thải bỏ phát sinh với khối lượng trung bình khoảng 1,61 kg/ngày.

3.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô và tính chất của chất thải nguy hại:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 7 kg/tháng với thành phần chủ yếu gồm: dầu mỡ thải, thùng đựng sơn, giẻ lau, găng tay dính dầu, dính sơn, chổi sơn.

b) Giai đoạn vận hành:

Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 28 kg/tháng (336 kg/năm). Thành phần chủ yếu gồm: bao bì thuốc thú y, chai lọ đựng thuốc sát trùng, dụng cụ thú y (bơm kim tiêm hỏng). Xác heo chết do dịch bệnh phát sinh không thường xuyên, được quản lý như CTNH.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

3.3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

Tiếng ồn, độ rung phát sinh chủ yếu từ hoạt động của các loại máy móc tham gia thi công, vận chuyển nguyên vật liệu.

3.3.2. Giai đoạn vận hành

- Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động chăn nuôi (khi heo đói, xuất bán heo), hoạt động của phương tiện vận chuyển, hoạt động của thiết bị, máy móc phục vụ chăn nuôi (quạt hút gió, máy ép phân, máy bơm nước...).

- Độ rung phát sinh từ hoạt động của các phương tiện, máy móc vận chuyển, máy ép phân.

3.4. Các tác động khác

3.4.1. Nước mưa chảy tràn

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước mưa chảy tràn trên công trường thi công phát sinh khoảng $0,160\text{m}^3/\text{s}$. Thông số ô nhiễm đặc trưng là TSS.

- Tác động đến môi trường đất do thay đổi mục đích sử dụng đất trong khu vực Dự án; tác động đến hệ sinh thái khu vực; tác động của hoạt động khoan giếng khai thác nước dưới đất gây sụt lún, suy giảm, ô nhiễm môi trường nước dưới đất.

- Các tác động khi xảy ra sự cố trong quá trình hoạt động như sự cố cháy nổ, sự cố tai nạn lao động.

b) Giai đoạn vận hành

- Nước mưa chảy tràn phát sinh trên toàn bộ diện tích Dự án với lưu lượng khoảng $1.033,2\text{ m}^3/\text{giờ}$, thông số ô nhiễm đặc trưng là TSS.

- Các tác động khi xảy ra sự cố trong quá trình hoạt động như sự cố cháy nổ, sự cố hầm biogas; sự cố tai nạn lao động; sự cố đối với công trình thu gom, xử lý nước thải; sự cố công trình xử lý khí thải.

- Việc khai thác nước dưới đất để cấp nước cho hoạt động của Dự án có khả năng làm giảm trữ lượng hoặc gây ô nhiễm nguồn nước dưới đất, gây sụt lún tại khu vực khai thác.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom, xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn thi công được thu gom về 03 buồng vệ sinh di động, định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Nước thải xây dựng được thu gom vào 01 bể chứa lắng tạm thời thể tích khoảng 10 m^3 , có bạt lót đáy chống thấm và bố trí vải lọc dầu trên miệng hồ để lọc vớt dầu mỡ và lắng cặn trước khi tái sử dụng rửa bánh xe trên công trường.

b) Giai đoạn vận hành

- Quy trình thu gom nước thải

+ Nước thải từ các dãy chuồng nuôi được thu gom bằng cống BTCT D400mm dẫn nước thải về bể thu gom phân.

+ Nước thải từ máy ép phân được thu gom bằng đường ống uPVC Ø90mm dẫn về bể thu gom phân.

+ Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại, nước rửa chân tay, nước sát trùng và nước thải nhà ăn (dẫn qua bể tách dầu mỡ 03 ngăn) được dẫn bằng đường ống uPVC Ø140mm về bể thu gom phân.

- Quy trình, công nghệ của hệ thống xử lý nước thải (sinh hoạt và chăn nuôi):

+ Nước thải sinh hoạt sau 04 bể tự hoại 3 ngăn với thể tích $21,6 \text{ m}^3/\text{bể}$, nước rửa tay chân, sát trùng và nước thải nhà ăn (dẫn qua bể tách dầu mỡ 03 ngăn) → bể thu gom phân → đầu nối vào HTXLNT tập trung công suất $250 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ để tiếp tục xử lý.

+ Nước thải chăn nuôi heo phát sinh từ các dãy chuồng nuôi → Hầm ngâm phân (ngâm 20 ngày) → bể thu gom phân → Máy ép tách phân → 02 hầm biogas 1, 2 (xử lý song song) → hồ lắng 1, 2 (xử lý nổi tiếp) → đầu nối vào HTXLNT tập trung công suất $250 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ để tiếp tục xử lý.

*** Quy trình xử lý của HTXLNT tập trung công suất $250 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$:**

Nước thải (sinh hoạt và chăn nuôi từ các nguồn nêu trên) → hồ điều hoà → bể keo tụ → bể tạo bông 1 → bể lắng hóa lý 1 → bể thiếu khí 1 → bể hiếu khí 1 → bể lắng sinh học 1 → hồ sinh học 1 → hồ sinh học 2 → bể thiếu khí 2 → bể hiếu khí 2 → bể lắng sinh học 2 → bể khử màu → bể tạo bông 2 → bể lắng hóa lý 2 → bể trung gian khử trùng → bồn lọc. Nước thải sau xử lý đạt cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 01-195:2022/BNNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng → hồ chứa nước sau xử lý với tổng dung tích là $39.326,83 \text{ m}^3$.

Toàn bộ nước thải chăn nuôi, nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình vận hành của Dự án phải được thu gom, đầu nối về hệ thống xử lý nước thải của Dự án để xử lý đạt quy chuẩn trước khi tái sử dụng, không được phép sử dụng nước thải chưa xử lý đạt chuẩn tại các hạng mục của HTXL và hạng mục khác để tái sử dụng (bao gồm tưới gốc cây trồng). Nước thải sau xử lý sẽ được tuần hoàn tái sử dụng toàn bộ cho các hoạt động chăn nuôi và tưới gốc cho cây trồng trong khuôn viên Dự án sau khi được hợp chuẩn, hợp quy theo đúng quy định, không xả thải ra môi trường.

- Thông số kỹ thuật cơ bản của Hệ thống xử lý nước thải:

TT	Hạng mục	Kích thước (Dài×Rộng×Cao)	Kết cấu	Thời gian lưu	Số lượng (cái)
1	Bể thu gom	5,2m×8,2m×5m	BTCT M250, quét chống thấm	-	01
2	Hầm Biogas 1	30m×60m×6m	Đào đất; đáy có lớp sét chống thấm + lót bạt HDPE	29,6 ngày	01
3	Hầm Biogas 2	30m×60m×6m		29,6 ngày	01
4	Hồ lắng 1	45m×60m×6m		34 ngày	01
5	Hồ lắng 2	45m×60m×6m		47,6 ngày	01
6	Hồ điều hoà	45m×60m×6m		47,6 ngày	01
9	Hồ sinh học số 1	30m×60m×6m		47,6 ngày	01
10	Hồ sinh học số 2	30m×60m×6m		29,6 ngày	01
11	Hồ phòng ngừa sự cố	40m×50m×6m		29,6 ngày	01
12	Hồ chứa nước sau xử lý	90m×90m×6m		157,3 ngày	1
13	Cụm XLNT			-	01
13.1	Bể keo tụ	2,625m×2,625m×5,4 m	BTCT M250, quét chống thấm	3,31 giờ	01
13.2	Bể tạo bông 1	3,75m×2,625m×5,4 m		4,73 giờ	01
13.3	Bể lắng hóa lý 1	5,5m×5,5m×5,4m		14,52 giờ	01
13.4	Bể thiếu khí 1	9,75m×5,5m×5,4m		51,48 giờ	02
13.5	Bể hiếu khí 1	9,75~9,5m×5,5m×5,		77,22 giờ	03

TT	Hạng mục	Kích thước (Dài×Rộng×Cao)	Kết cấu	Thời gian lưu	Số lượng (cái)
		4m			
13.6	Bể lắng sinh học 1	5,5m×5,5m×5,4m		14,52 giờ	01
13.7	Bể thu bùn sinh học 1	2,625m×2,625m×5,4 m		-	01
13.8	Bể thiếu khí 2	15,25m×5,5m×5,4m		40,26 giờ	01
13.9	Bể hiếu khí 2	9,75m×5,5m×5,4m		51,48 giờ	02
13.1	Bể lắng sinh học 2	5,5m×5,5m×5,4m		14,52 giờ	01
13.11	Bể thu bùn sinh học 2	1,4m×2,625m×5,4m		-	01
13.12	Bể khử màu	1,8m×2,625m×5,4m		2,27 giờ	01
13.13	Bể tạo bông 2	1,8m×2,625m×5,4m		2,27 giờ	01
13.14	Bể lắng hóa lý 2	5,5m×5,5m×5,4m		14,52 giờ	01
13.15	Bể trung gian - khử trùng	5,5m×2,625m×5,4m		6,93 giờ	01
13.16	Bể chứa bùn	9,5m×2,625m×5,4m		-	01
13.17	Bồn lọc áp lực	-	Inox 304	-	01

- Nước thải sau xử lý được tái sử dụng như sau:

+ Trong các tháng mùa khô (từ tháng 11 đến tháng 4), tổng lượng nước thải sau xử lý phát sinh là 183,04m³/ngày được tái sử dụng cho các hoạt động, gồm: tái sử dụng cho hoạt động chăn nuôi 150,78 m³/ngày và tưới gốc cây trồng 32,26 m³/ngày. Lượng nước tưới gốc cây trồng còn thiếu khoảng 109,16m³/ngày được bù đắp từ nước thải sau xử lý được lưu giữ tại hồ chứa nước thải sau xử lý trong các tháng mùa mưa và nước dưới đất.

+ Trong các tháng mùa mưa (từ tháng 5 đến hết tháng 10), tổng lượng nước thải sau xử lý phát sinh là 183,04m³/ngày được tái sử dụng cho các hoạt động, gồm: tái sử dụng cho hoạt động chăn nuôi 150,78 m³/ngày, mùa mưa không tưới cây nên lượng nước thải sau xử lý còn lại là 32,26 m³/ngày tương ứng 5.806,26 m³/06 tháng. Như vậy, tổng lượng nước phát sinh trong mùa mưa 5.806,8 m³ và nước mưa rơi trên bề mặt 16.314,21 m³ sẽ được lưu chứa vào hồ chứa nước tái sử dụng (hồ chứa nước sau xử lý) có tổng thể tích 39.623,83 m³ đảm bảo khả năng lưu chứa toàn bộ nước thải sau xử lý, không xả thải ra môi trường.

- Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải được đưa về máy ép phân, ép khô, sau đó được đóng bao và đưa về nhà chứa phân và định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng làm phân bón theo quy định.

- Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải tại các vị trí của hệ thống xử lý nước thải (bao gồm: đầu vào hệ thống, đầu ra tại vị trí trước khi bơm tái sử dụng) để theo dõi, quản lý.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Lắp đặt hàng rào (che vải bạt hoặc tôn) xung quanh khu vực thi công các hạng mục công trình; sử dụng phương tiện, máy móc đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường theo quy định.

- Phương tiện vận chuyển chờ đúng trọng tải quy định; thiết bị xe, máy tham gia san lấp mặt bằng phải được rửa đất, cát trước khi ra khỏi công trường.

- Che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, phế thải,... không để rơi rớt vật liệu.

- Thường xuyên phun nước làm ẩm, giảm bụi các tuyến đường vận tải, khu vực san lấp mặt bằng và các khu vực thi công khác (kể cả các ngày không thi công mà có phát sinh bụi trong phạm vi Dự án) với tần suất tối thiểu 02 lần/ngày (trừ những ngày mưa), tăng tần suất vào mùa khô.

b) Giai đoạn vận hành

- Mùi, khí thải từ chuồng nuôi:

+ Sử dụng quạt hút khí cuối chuồng nuôi (160 quạt hút, mỗi chuồng 08 quạt x 20 chuồng). Lắp hệ thống xử lý mùi cuối chuồng nuôi bằng buồng lưới kết hợp giàn phun sương có đầu phun (nước phun được pha chế phẩm khử mùi để hấp thụ khí gây mùi từ chuồng nuôi), phun liên tục, sau đó khí được thoát ra môi trường qua tấm lưới.

+ Quy trình hoạt động của hệ thống phun sương khử mùi phía sau quạt hút chuồng nuôi như sau: Mùi từ sau giàn quạt hút → Hệ thống đường ống phun chế phẩm khử mùi và béc phun sương → Môi trường.

+ Tần suất phun: 24 lần/ngày; sử dụng chế phẩm EM để khử mùi để hấp thụ khí gây mùi từ chuồng nuôi

+ Tiến hành vệ sinh chuồng trại thường xuyên.

+ Sử dụng hệ thống làm mát trại chăn nuôi bằng tấm Cooling pad.

- Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm đối với khí sinh học phát sinh từ hầm biogas: Toàn bộ lượng khí biogas hình thành được lưu chứa trong 02 hệ thống

hầm biogas kín, sử dụng vật liệu che phủ HDPE; thực hiện phun chế phẩm khử mùi xung quanh khu vực xử lý nước thải với tần suất 01 lần/ngày; lắp đặt đường ống thu gom khí biogas dư, khử khí đáy hầm trước khi đốt và lắp đầu van đốt bỏ có kiểm soát.

- Đối với mùi phát sinh từ hầm hủy xác heo chết không do dịch bệnh: Hầm được thiết kế kín, có nắp đậy. Sử dụng các hóa chất, chế phẩm vi sinh phân hủy xác động vật, chế phẩm khử mùi và trồng cây xanh xung quanh khu hầm hủy xác.

- Đối với mùi từ khu xử lý chất thải:

+ Phun chế phẩm sinh học EM để khử mùi hôi tại khu vực hệ thống xử lý nước thải, khu đặt máy ép phân, nhà chứa phân, bể thu gom (hồ thu phân) với tần suất 01 lần/ngày.

+ Phân sau ép được phun chế phẩm, đóng bao nilon kín, chuyển vào khu nhà tập kết phân và chuyển giao cho các đơn vị có chức năng sản xuất phân bón theo quy định của ngành nông nghiệp.

+ Định kỳ hút bùn cặn trong hầm biogas để đảm bảo dung tích chứa.

+ Sử dụng chế phẩm sinh học để khử mùi hôi tại khu vực xử lý nước thải, khu chứa phân, rãnh thoát nước.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thực hiện và giám sát các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, mùi hôi phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành Dự án.

- Tiến hành trồng cây xanh đảm bảo quy định tại QCVN 01:2021/BXD
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng xung quanh các công trình bảo vệ môi trường có phát sinh mùi hôi và những vị trí thích hợp để tạo cảnh quan và hạn chế mùi hôi, bụi, tiếng ồn ra môi trường xung quanh.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn (CTR).

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Bố trí tại mỗi công trường thi công 02 thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy dung tích khoảng 120 lít/thùng để thu gom, phân loại tại nguồn toàn bộ CTR sinh hoạt phát sinh; hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực và chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Toàn bộ sinh khối, CTR từ hoạt động phát quang cây cối được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- CTR thông thường: Các loại chất thải có thể tái chế, tái sử dụng như vụn sắt thép, bao bì xi măng,... được thu gom, tái sử dụng hoặc bán phế liệu; các CTR thông thường khác được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Lượng đất đào: sử dụng để san nền, san lấp mặt bằng khu vực trồng trong phạm vi dự án, không vận chuyển ra ngoài phạm vi dự án.

b) Giai đoạn vận hành

- CTR sinh hoạt: Bố trí các thùng chứa CTR sinh hoạt tại các khu vực trong khuôn viên trang trại. CTR sinh hoạt được thu gom và hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực và chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- CTR chăn nuôi thông thường:

+ Phân heo: Khoảng 98% lượng phân được đưa về máy tách, ép phân, phân sau ép được phun chế phẩm sinh học EM, đóng bao nilon kín, vận chuyển về kho chứa phân và được chuyển giao cho các đơn vị có chức năng sản xuất phân bón theo quy định. Khoảng 0,2% lượng phân lẫn nước được dẫn về hầm biogas.

+ Heo chết không do dịch bệnh được thu gom, xử lý bằng 01 hầm hủy xác (tổng thể tích khoảng 302,56 m³). Hầm hủy xác được xây dựng bằng bê tông cốt thép có nắp đậy kín. Xác heo chết sau quá trình phân hủy được thu gom và xử lý và chuyển giao cho đơn vị có đủ điều kiện làm phân bón theo quy định. Hầm hủy xác được bao quanh bằng lưới để chống côn trùng.

+ Bùn từ hầm biogas: Định kỳ bơm lên máy ép tách phân. Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, xử lý theo quy định.

+ Đối với bùn của hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi: Định kỳ bơm về bể thu gom để xử lý. Trường hợp bùn thải được phân định không phải là CTNH, được thu gom và chuyển giao cho các cơ sở sản xuất phân bón theo quy định của ngành nông nghiệp. Trường hợp bùn thải được phân định là CTNH, đưa về kho chứa CTNH và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Xây dựng 01 kho chứa CTNH diện tích khoảng 35 m², bố trí các thùng chứa đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, đủ số lượng để thu gom, lưu giữ tạm thời CTNH phát sinh. CTNH được phân loại, phân định, dán nhãn và định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành

- Bố trí các thùng chứa đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, đủ số lượng để thu gom, lưu giữ CTNH phát sinh tại kho chứa có diện tích khoảng 51,84 m²; CTNH được phân loại, phân định, dán nhãn và chuyển giao định kỳ cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Đối với các trường hợp heo chết do nghi ngờ bệnh có thể lây lan (bệnh trong và ngoài danh sách các bệnh truyền nhiễm theo quy định của pháp luật về thú y), Chủ dự án có trách nhiệm báo cáo với chính quyền địa phương và cơ quan thú y để được hướng dẫn, xử lý theo đúng quy định về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Sử dụng các máy móc thi công xây dựng đảm bảo chất lượng, khả năng gây ồn thấp.

- Thường xuyên bảo dưỡng và định kỳ kiểm tra các phương tiện thi công, thay thế các bộ phận bị hư hỏng, lắp đặt và bảo trì các thiết bị giảm thanh, đảm bảo đạt tiêu chuẩn về độ ồn theo quy định và luôn đảm bảo máy móc hoạt động tốt, sắp xếp thời gian làm việc phù hợp.

- Bố trí thời gian làm việc hợp lý, trang bị quần áo bảo hộ lao động và thực hiện đúng các chế độ về an toàn lao động.

b. Giai đoạn vận hành

- Bố trí thời gian làm việc hợp lý, trang bị quần áo bảo hộ lao động và thực hiện đúng các chế độ về an toàn lao động.

- Cho heo ăn đúng giờ, khẩu phần đầy đủ, cân đối.

- Các phương tiện vận tải, máy móc thiết bị thường xuyên được bảo dưỡng và vận hành đúng tốc độ tại từng khu vực để đảm bảo không gây tiếng ồn cho môi trường xung quanh, hạn chế việc sử dụng còi trong khu vực Dự án.

- Lắp đặt máy phát điện đúng quy trình kỹ thuật để giảm ồn, chống rung và định kỳ vệ sinh, tra dầu mỡ.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Nước mưa chảy tràn bằng hệ thống mương xây gạch B400 và tự chảy ra hồ chứa nước mưa: hồ chứa nước mưa (1575m² x 6m = 9.450m³). Nước tại hồ chứa nước mưa được sử dụng một phần để tưới làm ẩm đường tại những khu vực phát sinh nhiều bụi.

- Thu gom và hoàn trả mặt bằng sau khi thi công, sửa chữa, hoàn trả nguyên trạng các tuyến đường giao thông bị hư hỏng do hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ Dự án. Giữ gìn vệ sinh xung quanh khu vực giếng khai thác, thực hiện các biện pháp phòng chống ô nhiễm nguồn nước dưới đất qua giếng khoan khai thác.

- Đảm bảo diện tích trồng cây xanh, cây xanh cách ly xung quanh Dự án để giảm thiểu bụi, tiếng ồn, mùi phát sinh từ hoạt động chăn nuôi tới môi trường xung quanh.

b) Giai đoạn vận hành

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực Dự án được thu gom vào hệ thống mương xây gạch B400 và tự chảy ra hồ chứa nước mưa có dung tích khoảng 9.450 m³.

Quy trình: Nước mưa → thu gom → hồ chứa nước mưa có dung tích 9.450 m³.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động: Xây dựng các phương án ứng phó đối với các sự cố, tai nạn lao động; tập huấn cho công nhân về thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác an toàn lao động; trang bị bảo hộ lao động; tăng cường phổ biến và hướng dẫn cán bộ kỹ thuật, công nhân lao động kỹ năng phòng, tránh, ứng phó sự cố tai nạn lao động.

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ: Ban hành quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy, chữa cháy. Trong quá trình thi công nếu xảy ra sự cố cháy nổ, đơn vị thi công phải ứng cứu ngay các đối tượng trong khu vực nguy hiểm và báo cho đơn vị chức năng kịp thời xử lý.

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố ngập úng: Thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh Dự án đảm bảo không để nước đọng, gây ngập úng; trang bị máy bơm lưu động để chống ngập úng.

b) Giai đoạn vận hành

- Công trình, phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố vận hành hệ thống xử lý khí thải, mùi hôi:

+ Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng hệ thống quạt hút, hệ thống bơm phun khử mùi buồng xử lý mùi cuối chuồng nuôi. Trong trường hợp hệ thống xử lý mùi bị hỏng và phát tán mùi ra môi trường, tiến hành tạm dừng hoạt

động hệ thống xử lý mùi để kiểm tra, sau khi khắc phục xong tiếp tục hoạt động, đảm bảo xử lý giảm thiểu mùi phát tán ra môi trường.

+ Bố trí nhân viên vận hành đúng chuyên môn, kiểm tra thiết bị và bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên.

- Công trình, phương án phòng ngừa và ứng phó đối với sự cố tại hệ thống xử lý nước thải:

+ Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý nước thải, tuân thủ các yêu cầu thiết kế của hệ thống xử lý nước thải, chuẩn bị các bộ phận, thiết bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị dễ hư hỏng.

+ Tuân thủ nghiêm ngặt quy trình vận hành và bảo dưỡng các thiết bị máy móc của hệ thống xử lý, đảm bảo hệ thống xử lý vận hành đúng công suất.

+ Bố trí máy phát điện dự phòng để cấp điện kịp thời cho hệ thống xử lý hoạt động.

+ Bố trí các bơm, thiết bị dự phòng để kịp thời thay thế khi gặp sự cố hư hỏng thiết bị.

+ Trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải bị sự cố, thì nước thải được lưu chứa toàn bộ tại hồ phòng ngừa sự cố có dung tích 8.499,33m³ trong thời gian sửa chữa. Sau khi khắc phục sự cố sẽ bơm toàn bộ nước thải trở lại hệ thống xử lý nước thải và tiến hành xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật trước khi tuần hoàn tái sử dụng.

+ Trường hợp những ngày mưa lớn kéo dài làm tăng lượng nước tại hồ chứa nước thải sau xử lý, một phần nước thải sẽ được bơm sang hồ phòng ngừa sự cố để lưu chứa tạm thời để tái sử dụng.

- Công trình, phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố hầm biogas:

+ Lắp đặt thiết bị báo khí tự động để kiểm soát lượng khí trong bể tránh hiện tượng áp suất khí gây cháy nổ hệ thống.

+ Thường xuyên theo dõi thiết bị đo áp suất khí trong hệ thống.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu chứa CTR, CTNH: Khu lưu giữ chất thải được thiết kế, xây dựng đảm bảo quy cách theo quy định về môi trường.

- Đối với trường hợp heo ốm, chết do dịch bệnh: Báo cáo với chính quyền địa phương và cơ quan thú y để được hướng dẫn, xử lý theo đúng quy định của Luật Thú y. Toàn bộ xác heo chết, chất thải do dịch bệnh được xử lý tuân thủ QCVN 01-41:2011/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

Chủ dự án đề xuất và cam kết thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường như sau:

5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

5.1.1. Giám sát chất lượng môi trường không khí, tiếng ồn, độ rung

- Vị trí giám sát:
+ 01 vị trí tại khu vực xây dựng.
- Thông số giám sát: Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, CO, SO₂, NO₂.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

5.1.2. Giám sát CTR sinh hoạt, CTR thông thường và CTNH

- Thực hiện giám sát việc phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.
- Định kỳ chuyển giao CTR sinh hoạt, CTR thông thường và CTNH cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định

5.2. Quản lý và giám sát môi trường giai đoạn vận hành

5.2.1. Giám sát nước thải

- Vị trí giám sát: 01 điểm sau hệ thống lọc áp lực của hệ thống xử lý nước thải.
- Thông số giám sát: pH, BOD₅, COD, TSS, tổng Nitơ (theo N), tổng Coliform, Cl, As, Cd, Cr, Hg, Pb, E.coli.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, cột B và QCVN 01-195:2022/BNNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng trước khi tái sử dụng.

5.2.2. Giám sát khai thác nước dưới đất

- Vị trí giám sát: tại các giếng khoan khai thác của Dự án.
- Thông số giám sát: pH, TDS, NO₃⁻ NH₄⁺, chỉ số permanganat, độ cứng, Arsenic (As), Chloride (Cl⁻), tổng Coliform, nitrite (NO₂⁻), đồng, chì, sắt, thủy

ngân.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 09:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

5.2.3. Giám sát CTR sinh hoạt, CTR thông thường, CTNH

- Thực hiện giám sát việc phân định, phân loại, thu gom các loại CTR sinh hoạt, CTR thông thường và CTNH theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Thực hiện giám sát việc chuyển giao CTR thông thường, chất thải sinh hoạt và CTNH cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

Chủ dự án có trách nhiệm và thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác như sau:

- Chịu trách nhiệm đối với toàn bộ các thông tin trong nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường, chỉ được triển khai hoạt động khi hoàn thành các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường theo nội dung Quyết định này và Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

- Thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ khối lượng CTR thông thường, CTNH phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường quy định tại Luật Bảo vệ môi trường.

- Thực hiện biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và độ rung trong quá trình thi công, xây dựng và vận hành Dự án, đảm bảo tuân thủ quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và độ rung; tiến hành trồng cây với mật độ phù hợp đồng thời thực hiện các biện pháp và xây dựng, lắp đặt các công trình bảo vệ môi trường để ngăn ngừa phát sinh và hạn chế phát tán mùi hôi, bụi, tiếng ồn ra môi trường xung quanh.

- Khi xảy ra sự cố dịch bệnh cần thực hiện các biện pháp khắc phục: thực hiện ngăn chặn lây lan dịch bệnh ra ngoài khi xảy ra dịch bệnh; thực hiện phòng ngừa, ngăn chặn lây lan dịch bệnh sang người và bố trí khu vực xử lý heo chết do dịch bệnh khoảng 500 m² theo hướng dẫn tại Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

- Thực hiện và tuân thủ các thủ tục liên quan đến việc thăm dò, khai thác, giám sát nước dưới đất, đấu nối hạ tầng kỹ thuật theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan trong quá trình triển khai, thực hiện Dự án.

- Xây dựng, vận hành các hồ chứa, bể nước thải đáp ứng kỹ thuật theo quy định, có khả năng quay vòng xử lý lại nước thải, đảm bảo không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố của trạm xử lý nước thải.

- Bố trí camera quan sát khu vực chăn nuôi để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, quản lý, giám sát theo quy định của pháp luật, đồng thời bố trí đường vào riêng biệt để kiểm tra, giám sát công trình xử lý chất thải (bao gồm HTXL nước thải tập trung) để không ảnh hưởng đến hoạt động chăn nuôi của Công ty và thể hiện trên sơ đồ tổng mặt bằng của dự án.

- Lập phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cho trạm xử lý nước thải. Khi phát hiện có dấu hiệu sự cố với trạm xử lý nước thải hoặc nước thải sau xử lý chưa đạt yêu cầu, phải dừng ngay các hoạt động của hệ thống xử lý; thực hiện biện pháp lưu trữ, quay vòng xử lý nước thải đảm bảo quy chuẩn trước khi tuần hoàn tái sử dụng.

- Đền bù những thiệt hại môi trường do Dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Chịu trách nhiệm về công tác bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai toàn bộ Dự án./.